

SKILLS

(SGK tiếng Anh 11 trang 72)

READING

1.a. Read the text

(Đọc đoạn văn)

HOW TECHNOLOGY CAN HELP DISABLED PEOPLE TO LEAD A BETTER LIFE

Today, people with disabilities can lead a better life with the help of technology.

Devices that help them to perform an activity are called assistive technology.

A telephone may not be attractive to persons with hearing impairments, but it can help them to send text messages over a phone line with the use of a teleprinter. This will enable them to send and receive messages like non-disabled people and communicate quickly and effectively.

People with visual impairments can have documents read out loud electronically on their computer. Speech recognition programmes allow people to give voice commands to their computer or have their words turned into print.

To make shared reading possible, children's books can have both Braille and print text. This way, parents of a child with visual impairment can read the same book out loud while the child reads with fingers.

Tạm dịch:

Kỹ thuật có thể giúp người khuyết tật có cuộc sống tốt hơn như thế nào?

Ngày nay, người khuyết tật có thể có cuộc sống tốt hơn nhờ sự giúp đỡ của kỹ thuật.

Những thiết bị trợ giúp người khuyết tật thực hiện một hoạt động được gọi là kỹ thuật trợ giúp.

Một chiếc điện thoại có thể không hấp dẫn đối với những người khiếm thính nhưng lại có thể giúp họ gửi tin nhắn bằng đường điện thoại bằng việc sử dụng một chiếc máy chữ điện thoại. Điều này cho phép họ gửi và nhận tin nhắn giống những người bình thường và có thể giao tiếp nhanh và hiệu quả.

Những người khiếm thị lại có những văn bản đọc giọng điện tử trên máy tính. Những chương trình nhận dạng văn bản cho phép người ta đưa ra những yêu cầu về giọng nói cho máy tính hoặc yêu cầu chuyển từ qua dạng in.

Để làm cho việc đọc mang tính khả thi, sách trẻ em có thể có cả bảng chữ nổi Braille và văn bản in. Bằng cách này, cha mẹ của trẻ em khiếm thị có thể đọc to với các em cùng một cuốn sách cùng lúc với các em đọc bằng tay.

1.b. Match the words in A with their definitions in B.

(Ghép từ ở cột A với định nghĩa đúng ở cột B.)

A	B
1. assistive	a. giving assistance
2. teleprinter	b. paper, form, book, etc. giving information about something; evidence or proof of something
3. document	c. the ability of a machine to identify and respond to spoken language
4. speech recognition	d. a machine that prints messages written on a machine somewhere else and sent along telephone lines

Đáp án:

1-a	2-d	3-b	4-c
-----	-----	-----	-----

1. assistive - a. giving assistance

(trợ giúp - hỗ trợ)

2. teleprinter - d. a machine that prints messages written on a machine somewhere else and sent along telephone lines

(máy điện báo - một máy in các tin nhắn viết trên một máy ở một nơi khác và gửi đi theo đường dây điện thoại.)

3. document - b. paper, form, book, etc. giving information about something; evidence or proof of something

(tài liệu - giấy tờ, mẫu đơn, sổ sách... cung cấp thông tin về một thứ gì đó; bằng chứng hoặc chứng minh một cái gì đó.)

4. speech recognition - c. the ability of a machine to identify and respond to spoken language

(nhận dạng giọng nói - khả năng của một máy tính để xác định và nhận diện ngôn ngữ nói.)

2. Answer the following questions.

(Trả lời những câu hỏi dưới đây.)

Lời giải chi tiết:

1. What is assistive technology?

(Công nghệ hỗ trợ là gì?)

=> Devices that help disabled people to perform an activity.

(Các thiết bị có thể giúp người khuyết tật thực hiện 1 hoạt động.)

2. How can people with hearing impairments communicate quickly?

(Những người khiếm thính có thể giao tiếp nhanh như thế nào?)

=> They can communicate quickly by sending and receiving messages.

(Họ có thể giao tiếp nhanh bằng cách gửi và nhận tin nhắn.)

3. How can visually impaired people 'read' documents?

(Làm thế nào người khiếm thị có thể đọc 'tài liệu?')

=> They can have documents read out loud electronically on their computer.

(Họ có thể để tài liệu được đọc giọng điện tử trên máy tính.)

4. Why should children's books be printed in both Braille and print text?

(Tại sao sách của trẻ nên được in cả chữ nổi và chữ in?)

=> Children with visual impairment and their parents can read together/ share reading.

(Trẻ em bị khiếm thị và bố mẹ của các em có thể đọc cùng nhau.)

5. What can assistive technology do for people with disabilities?

(Công nghệ hỗ trợ có thể giúp gì cho người khuyết tật?)

=> It can improve the quality of life for people with disabilities.

(Nó có thể cải thiện chất lượng cuộc sống cho những người khuyết tật.)

SPEAKING

3. Work in pairs. Read the information below.

(Làm việc theo cặp. Đọc thông tin bên dưới.)

Universities in Singapore

- **National University of Singapore (NUS)**

- ranks 24th in the world (2013)

- subjects ranked within the top 10 worldwide: mechanical engineering, geography, law, computer science, accounting and finance, pharmacy, communication and media studies

- **Nanyang Technological University (NTU)**

- ranks in the top 50 in the world

- a lot of focus on research

- enrolls undergraduate and postgraduate students in the colleges of engineering, business, science and humanities, arts & social sciences.

- **Singapore University of Technology and Design**

- a new university developed in partnership with Massachusetts Institute of Technology, USA, and Zhejiang University, China.

Hướng dẫn dịch:

Các trường đại học ở Singapore

- **Đại học Quốc gia Singapore (NUS)**

- đứng thứ 24 trên thế giới (2013)

- các môn học nằm trong top 10 trên toàn thế giới: kỹ thuật cơ khí, địa lý, luật, khoa học máy tính, kế toán và tài chính, dược phẩm, truyền thông và nghiên cứu phương tiện truyền thông

- **Đại học Kỹ thuật Nanyang (NTU)**

- đứng trong top 50 trên thế giới

- rất nhiều nghiên cứu tập trung

- Tuyển sinh đại học và sau đại học tại các trường kỹ thuật, kinh doanh, khoa học và nhân văn, nghệ thuật và khoa học xã hội.

- **Đại học Công nghệ và Thiết kế Singapore**

- một trường đại học mới được phát triển với sự hợp tác của Viện Công nghệ Massachusetts, Hoa Kỳ, và Đại học Chiết Giang, Trung Quốc.

4. Answer these questions. Discuss with a partner.

(Trả lời những câu hỏi dưới đây. Thảo luận với bạn bên cạnh.)

1. Which university do you want to go?

(Bạn muốn theo học trường đại học nào?)

2. Why do you want to study there?

(Tại sao bạn muốn học ở đó?)

Gợi ý:

1. I want to study at the **National University of Singapore (NUS)**.
 2. Because it ranks the highest position among the three universities. It is the only universities teaching about communication and media studies, the major I like best.
- Tạm dịch: Bởi vì đây là trường đại học có vị trí xếp hạng cao nhất trong 3 trường. Nó là trường duy nhất đào tạo về truyền thông và nghiên cứu truyền thông, chuyên ngành mà tôi thích nhất.

LISTENING

5. Listen to the conversation between Mr Long and his daughter Mai. Decide whether the following statements are true (T) or false (F).

(Hãy nghe cuộc nói chuyện của ông Long và con gái Mai rồi quyết định xem những lời phát biểu dưới đây đúng (T) hay sai (F).)

		T	F
1	Mai is writing an essay about the different cultures in the ASEAN countries.		
2	The ASEAN region has the largest number of people speaking English in the world.		
3	About 50 million people speak English in the ASEAN region.		
4	The people in the ASEAN region share the same culture.		
5	There are over 50 ethnic groups in Viet Nam.		

Đáp án:

1.T	2.F	3.T	4.F	5.T
-----	-----	-----	-----	-----

1 – T. Mai is writing an essay about the different cultures in the ASEAN countries.

(Mai đang viết một bài tiểu luận về những nền văn hoá khác biệt ở các nước ASEAN.)

2 – F. The ASEAN region has the largest number of people speaking English in the world.

(Khu vực ASEAN có số lượng người nói tiếng Anh lớn nhất trên thế giới.)

3 – T. About 50 million people speak English in the ASEAN region.

(Khoảng 50 triệu người nói Tiếng Anh trong khu vực ASEAN.)

4 – F. The people in the ASEAN region share the same culture.

(Người dân trong khu vực ASEAN có chung một nền văn hoá.)

5 – T. There are over 50 ethnic groups in Viet Nam.

(Có hơn 50 nhóm dân tộc ở Việt Nam.)

Nội dung bài nghe:

Mr Long: What are you doing, Mai? It's so late. Why don't you go to bed?

Mai: I'm trying to finish my essay about the different cultures in the ASEAN countries. I'll have to submit it tomorrow. Can I ask you a couple of questions, Dad?

Mr Long: Yes, go ahead. Hope I can help.

Mai: Do you know the number of people in South Asia who can speak English?

Mr Long: Quite a lot. The ASEAN region has the third-largest number of English speakers, after the US and UK.

Mai: Really? So how many people speak English?

Mr Long: Around fifty million, I think,... mostly in the Philippines.

Mai: Fifty or fifteen?

Mr Long: Fifty.

Mai: There are more and more people learning English, especially in Viet Nam. The number is probably growing. Do you know anything about the different cultures?

Mr Long: The ASEAN countries have rich and diverse cultures. There are many ethnic groups in the region.

Mai: What about Viet Nam, Dad?

Mr Long: Well, we have more than 50 ethnic groups in our country, and each has its language, lifestyle and culture.

Mai: I think I've got all the information I need for my essay. Thanks so much, Daddy

Mr Long: That's all right. Finish your essay and go to bed soon. I'm afraid you'll wake M late for school tomorrow morning.

Dịch Script:

Ông Long: Con đang làm gì, Mai? Đã muộn rồi. Tại sao con không đi ngủ?

Mai: Con đang cố gắng hoàn thành bài luận của con về các nền văn hóa khác nhau ở các quốc gia ASEAN. Con sẽ phải nộp nó vào ngày mai. Con có thể hỏi bố một vài câu hỏi không, bố?

Ông Long: Được, con hỏi đi. Hy vọng bố có thể giúp đỡ.

Mai: Bố có biết số người ở Nam Á có thể nói được tiếng Anh không?

Ông Long: Rất nhiều. Khu vực ASEAN có số lượng người nói tiếng Anh lớn thứ ba, sau Mỹ và Anh.

Mai: Thật sao? Vậy có bao nhiêu người nói được tiếng Anh?

Ông Long: Năm mươi triệu, Bố nghĩ vậy ... chủ yếu ở Philippines.

Mai: Năm mươi hay mười lăm ạ?

Ông Long: Năm mươi.

Mai: Ngày càng có nhiều người học tiếng Anh, đặc biệt là ở Việt Nam. Con số này có lẽ đang tăng lên. Bố có biết gì về nền văn hoá khác nhau không?

Ông Long: Các nước ASEAN có nền văn hoá phong phú và đa dạng. Có nhiều nhóm người trong khu vực.

Mai: *Còn Việt Nam thì sao, bố?*

Ông Long: *Chúng ta có hơn 50 dân tộc trên đất nước, và mỗi dân tộc có ngôn ngữ, lối sống và văn hoá riêng.*

Mai: *Con nghĩ rằng con có tất cả thông tin cần thiết cho bài luận của con rồi. Cảm ơn rất nhiều, bố.*

Ông Long: *Không có gì. Hoàn thành bài luận và đi ngủ sớm. Bố e rằng con sẽ dậy muộn vào buổi sáng mai.*

WRITING

6. Write an introduction to Thailand, using the facts below. Add more information, if necessary.

(Hãy viết một bài giới thiệu về đất nước Thái Lan, sử dụng các thông tin dưới đây. Thêm thông tin nếu cần.)

Capital: Bangkok

Area: 513,120 km²

Official language: Thai

Population: (2014 estimate) 67,149,778

Currency: Thai baht

Ethnic groups: Thai (75%); Others: Chinese, Lao, Khmer

Economy: based on agri-food production; major exports: Thai rice, textile and footwear, fishery products and electronic products

Tourist attractions: Ko Tarutao and Ko Chang as beautiful islands, with sandy beaches and clean water; Ayuthaya as an old and beautiful city, with temples and palaces made of stone

Culture: shaped by many influences from Indian, Lao, Cambodian and Chinese cultures; famous festivals: Thai New Year (water fights) and Loy Kratong, a festival of lights and lanterns

Sports: very popular ‘Thai boxing’; others: rugby, golf, football, etc.

Lời giải chi tiết:

THAILAND: INTRODUCTION

Thailand is one ASEAN member state which has a total area of 513,120 square kilometres. Its capital is Bangkok. Thailand has a population of 67,149,778 (2014 estimated). The official language used in Thailand is Thai. Its currency is Thai baht. There are some ethnic groups living in Thailand: Chinese, Lao, and Khmer.

The economy of Thailand is based on agri-food production. Its major exports are Thai rice, textile and footwear, fishery products and electronic products.

There are a lot of tourist attractions in Thailand such as Ko Tarutao and Ko Chang, which are known as beautiful islands with sandy beaches and clean water. Ayuthaya is famous as an old and beautiful city, with temples and palaces made of stone.

Thai culture is shaped by many influences from Indian, Lao, Cambodian and Chinese cultures. The most famous festivals in Thailand are Thai New Year (known as water fights) and Loy Kratong, a festival of lights and lanterns.

Among the most popular sports in Thailand are Thai boxing, rugby, golf and football. Come and visit Thailand soon!

Tạm dịch:

Thái Lan là một quốc gia thành viên của ASEAN có tổng diện tích 513.120 km vuông. Thủ đô của nó là Bangkok. Thái Lan có dân số 67.149.778 người (ước tính năm 2014). Ngôn ngữ chính thức được sử dụng ở Thái Lan là tiếng Thái. Đồng tiền của nó là baht Thái Lan. Có một số nhóm dân tộc thiểu số sống ở Thái Lan: Trung Quốc, Lào và Khmer.

Nền kinh tế của Thái Lan dựa vào sản xuất nông nghiệp. Xuất khẩu chính là gạo Thái Lan, dệt may, giày dép, thủy sản và các sản phẩm điện tử.

Có rất nhiều điểm tham quan du lịch ở Thái Lan như Ko Tarutao và Ko Chang, được biết đến như những hòn đảo đẹp với những bãi biển đầy cát và nước trong. Ayuthaya nổi tiếng là một thành phố cổ kính và xinh đẹp, với đền thờ và cung điện bằng đá. Văn hoá Thái được hình thành bởi nhiều ảnh hưởng từ văn hoá Ấn Độ, Lào, Campuchia và Trung Quốc. Các lễ hội nổi tiếng nhất ở Thái Lan là Thái Lan năm mới (được gọi là chiến đấu ở nước) và Loy Kratong, một lễ hội ánh đèn và đèn lồng. Trong số các môn thể thao phổ biến nhất ở Thái Lan là môn quyền anh Thái, bóng bầu dục, sân golf và bóng đá. Hãy đến và ghé thăm Thái Lan sớm!